

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2020/HSST

Ngày: 09/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Không Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Thị Xuân Hoài

Bà Hoàng Thị Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Q, tỉnh Bình Định

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Q tham gia phiên tòa: Ông Văn Lê Hoài Khiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo BÙI GIA B, sinh ngày 08/10/2001 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 17A, KV4, P. Đồng Đa, TP. Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D, sinh năm: 1969 và bà Phạm Thị L, sinh năm: 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14/9/2018, bị Tòa án nhân dân TP. Q xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Chống người thi hành công vụ”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/6/2019; bị bắt tạm giam ngày 13/3/2020; có mặt.

2. Bị cáo NGUYỄN THÀNH L, sinh ngày 08/3/2000 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 8, KV 7, P. Nhơn Phú, TP. Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978 và bà Trần Thị S, sinh năm: 1979; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: ngày 24/9/2019, bị Công an P. Đồng Đa xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giam ngày 21/6/2020; có mặt.

3. Bị cáo PHẠM ĐÌNH TH, sinh ngày 03/11/1997 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 32, KV6, P. Đồng Đa, TP. Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, sinh năm: 1968 và bà Đoàn Thị H, sinh năm: 1974; vợ: Trần Thị Thu Q, sinh năm: 1997 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang tại ngoại, có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Võ Thị Hồng Ng, sinh năm 1978; trú tại: 55 Lê Cơ, TP. Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Tuấn P, sinh năm: 1974; trú tại: 55 Lê Cơ, TP. Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1992; trú tại: Tổ 40, khu vực 6, phường Lê Hồng Phong, TP. Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. Ông Phạm S, sinh năm 1972; trú tại Tổ 17A, khu vực 4, phường Đồng Đa, TP. Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 13/10/2019, Bùi Gia B điều khiển xe mô tô của Trần Văn C (không rõ biển số) chở Nguyễn Thành L đi dạo tìm nhà nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Khi đi đến quán nhậu “Tý Mập” tại 296 Lê Thanh Nghị, P. Đồng Đa, TP. Q do chị Võ Thị Hồng Ng làm chủ, thấy quán không có người bên trong nên B và L lén lút đi đến bên hông quán, giật bung cửa sổ rồi trèo vào bên trong. L thấy 01 camera hiệu Yosse treo trên tường nên đã leo lên bẻ gãy chiếc camera này. Còn B lấy 01 bộ phát wifi hiệu PON G97 – D2, 01 bộ giải mã FPT và 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo Thinkpad T410 bỏ tất cả vào thùng giấy. Sau đó, cả hai đi ra sau quán thì thấy có 01 con chó (giống Pug) nên bắt trộm rồi bỏ đi. B và L lấy thùng giấy đựng các đồ vật đã lấy được ném xuống sông đoạn cầu chữ Y, còn con chó thì

B và L đem đến nhà Trần Văn C cất giấu. Lúc sau con chó đã chạy mất, B và L tìm không thấy. Sau đó, B và L tiếp tục đem theo bao quay lại quán “Tý mập”. Tại đây, B và L thấy 05 con gà nòi nhốt trong 05 cái chuồng gỗ. B cầm bao để L bắt 03 con gà nòi (01 con gà trống nặng 3,3 kg, 01 con gà trống nặng 3,1 kg, 01 con gà trống nặng 3,0 kg) bỏ vào rồi đem về nhà Trần Văn C thuê trọ cất giấu. Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, B và L đến nhà Phạm Đình Th hỏi Th: “Có mua gà nòi không”. Th hỏi: “Gà ở đâu có” thì L nói: “Gà của bạn nhờ bán dùm, có mua thì đến xem”. Th nghi ngờ gà này là do B, L bắt trộm nhưng vẫn theo B, L đến nhà Trần Văn C xem gà. Khi đến nhà C, L bắt 01 con gà nòi trống nặng 3,1 kg cho Th xem nhưng Th chê gà già không mua. Lúc này, L ra phía sau bắt 01 con gà nòi trống nặng 3,0 kg. Th xem gà và hỏi L: “Gà này mày bắt ở đâu” thì L trả lời: “Bắt ngoài sông Hà Thanh, đường Lê Thanh Nghị”. Khi nghe L nói về nguồn gốc gà, Th biết đây là gà do B, L bắt trộm nhưng vẫn hỏi mua: “Gà này bán bao nhiêu” thì L nói: “500.000 đồng”. Th nói: “Bán 300.000 đồng thì mua”. L đồng ý và nói: “còn 02 con gà nữa, tơ hơn mua không”. Th hỏi: “Gà đâu”, L nói: “Gà để chỗ khác rồi”. Th nói: “Có gà tơ thì đem tới nhà tao mua, rồi trả tiền luôn”, rồi Th mang con gà đi về nhà. B và L tiếp tục quay lại quán nhậu “Tý Mập” bắt tiếp 02 con gà nòi nhỏ (01 con gà trống nặng 2,5 kg, 01 con gà mái nặng 2,1kg) đem đến nhà Th bán lấy 400.000 đồng, tổng cộng Th đưa cho B, L 700.000 đồng. Sau đó, B và L quay lại quán, L trèo lên bẻ 01 camera (nhãn hiệu Telebox, loại có wifi) rồi cùng B đến giữa cầu chữ Y ném xuống sông. Khoảng 11 giờ cùng ngày, B và L đem 02 con gà trộm được đến bán cho anh Phạm S với giá là 600.000 đồng. Số tiền có được, B và L tiêu xài hết.

Ngày 07/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP. Q kết luận:

- 01 (một) máy tính xách tay hiệu Lenovo, core i5, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 50%, trị giá là 2.000.000 đồng.
- 01 (một) camera hiệu Telebox loại có Wifi, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 70%, trị giá 900.000 đồng.
- 01 (một) camera hiệu Yossee loại có Wifi, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 70%, trị giá 600.000 đồng.
- 01 (một) bộ phát wifi nhãn hiệu Modem Pon G97-D2, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 70%, trị giá 654.000 đồng.
- 01 (một) bộ giải mã FPT TV, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại khoảng 70%, trị giá 770.000 đồng.

- 01 (một) con chó giống Pug, lông màu vàng nhạt nặng 9,3kg, cao 30cm, dài 52cm, 01 tuổi đang sống khỏe mạnh, trị giá 3.500.000 đồng.

- 01 (một) con gà nòi (gà trống), lông màu tía đen chân màu xanh, nặng 3,1kg đang sống khỏe mạnh, trị giá 930.000 đồng.

- 01 (một) con gà nòi (gà trống), lông màu xám chân màu vàng, nặng 3,3kg đang sống khỏe mạnh, trị giá 990.000 đồng.

- 01 (một) con gà nòi (gà trống), lông màu xám chân màu xanh, nặng 3kg đang sống khỏe mạnh, trị giá 900.000 đồng.

- 01 (một) con gà nòi (gà trống), lông màu ô chân màu vàng nghệ, nặng 2,5kg đang sống khỏe mạnh, trị giá 750.000 đồng.

- 01 (một) con gà nòi (gà mái), lông màu ô chân đen, nặng 2,1kg đang sống khỏe mạnh, trị giá 630.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 12.624.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn).

Cơ quan CSĐT Công an TP. Q đã trả lại 01 con chó giống Pug, 05 con gà nòi cho chị Võ Thị Hồng Ng. Chị Ng, anh Nguyễn Tuấn P yêu cầu các bị cáo B, L bồi thường 6.250.000 đồng cho các tài sản không thu hồi được và 1.200.000 đồng tiền chị Ng đã chuộc con chó giống Pug. Ông Phạm S không yêu cầu bồi thường.

- Bản cáo trạng số 104/CT-VKSQN ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q đã truy tố các bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Đình Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L và Phạm Đình Th khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Q giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Đình Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Gia B từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đình Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ấn định thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

- Phần dân sự: Buộc các bị cáo B, L có nghĩa vụ bồi thường cho chị Ng, anh P số tiền 7.450.000 đồng, chia phần cho các bị cáo nên mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Ng, anh P là 3.725.000 đồng.

- Buộc các bị cáo B, L nộp số tiền thu lợi bất chính 1.300.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo 650.000 đồng.

- Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo B, L: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Th: Bị cáo rất hối hận mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L, Phạm Đình Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với Bản cáo trạng, với lời khai của các bị hại và với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 01 giờ ngày 13/10/2019, tại quán nhậu “Tý Mập” ở 296 Lê Thanh Nghị, P. Đồng Đa, TP. Q lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại, bị cáo Bùi Gia B được sự giúp sức của bị cáo Nguyễn Thành L đã lén lút chiếm đoạt 01 máy tính xách tay hiệu Lenovo, 01 camera hiệu Telebox loại có Wifi, 01 camera hiệu Yossee loại có Wifi, 01 bộ phát wifi nhãn hiệu Modem Pon

G97-D2, 01 bộ giải mã FPT TV, 01 con chó giống Pug, 05 con gà nòi của bị hại Võ Thị Hồng Ng, Nguyễn Tuấn P, tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá 12.624.000 đồng. Hành vi của các bị cáo B và L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Phạm Đình Th mua 03 con gà nòi trị giá 2.280.000 đồng từ bị cáo L đã chiếm đoạt của bị hại Võ Thị Hồng Ng, Nguyễn Tuấn P. Bị cáo biết đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 700.000 đồng, do đó, bị cáo Th đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q truy tố các bị cáo B, L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Phạm Đình Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo Bùi Gia B và Nguyễn Thành L đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi tiêu thụ 03 con gà nòi do người khác trộm cắp mà có của bị cáo Phạm Đình Th xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử lý nghiêm các bị cáo để góp phần giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[4] Xét vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Đây là vụ án có nhiều bị cáo nhưng không có sự phân công bàn bạc kế hoạch phạm tội giữa các bị cáo nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo Bùi Gia B là người chủ động rủ rê bị cáo L cùng đi với mục đích tìm sơ hở của người dân để trộm cắp tài sản và trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm tài sản, vai trò của bị cáo B là người thực hành. Bị cáo Nguyễn Thành L trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, vai trò của bị cáo L là người thực hành.

Bị cáo Th không hứa hẹn trước nhưng khi các bị cáo B, L lấy trộm gà và đến nhà bị cáo để hỏi bán, mặc dù biết là gà do bị cáo B, L lấy trộm mà có nhưng bị cáo không động viên các bị cáo B, L trả tài sản cho bị hại hoặc trình báo với chính quyền địa phương để xử lý mà bị cáo đồng ý mua và hẹn có gà tơ hơn thì sẽ tiếp tục

mua. Hành vi của bị cáo tạo tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân và tiếp sức cho tội phạm tiêu thụ được tài sản trộm cắp nên cần có xử lý nghiêm.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo B, L, Th thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo L và Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó, bị cáo B được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo L và bị cáo Th được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bị cáo Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, do đó, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo Th ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các bị cáo B và L có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thì các bị cáo B, L không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo B và L.

[7] Bồi thường thiệt hại: Chị Võ Thị Hồng Ng, anh Nguyễn Tuấn P yêu cầu các bị cáo B, L bồi thường 7.450.000 đồng (trong đó 6.250.000 đồng cho các tài sản không thu hồi được và 1.200.000 đồng tiền chị Ng chuộc con chó giống Pug). Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của các bị hại là đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa các bị cáo B, L đồng ý bồi thường cho chị Ng, anh P 7.450.000 đồng. Do đó căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 585, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo B, L có nghĩa vụ bồi thường cho chị Ng, anh P 7.450.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Ng, anh P là 3.725.000 đồng.

[8] Về truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước: Các bị cáo B, L bán gà lấy trộm của chị Ng, anh P cho bị cáo Th và anh Phạm S tổng cộng là 1.300.000 đồng chia nhau tiêu xài, đây là tiền các bị cáo có được từ việc phạm tội nên truy thu số tiền 1.300.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước, chia phần mỗi bị cáo phải nộp 650.000 đồng.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với Trần Văn C, C có hành vi chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có nhưng sau khi xảy ra sự việc C và gia đình đã chuyển đi nơi khác sinh sống.

Hiện không rõ C ở đâu nên chưa làm việc được với C, khi nào có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với ông Phạm S và chị Nguyễn Thị Thanh Ph, ông S mua 02 con gà nòi, chị Nguyễn Thị Thanh Ph mua 01 con chó Pug do các bị cáo mang bán nhưng ông S và chị Ph không biết tài sản này là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[10] Về án phí: Các bị cáo B, L, Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; các bị cáo B, L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Gia B;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành L;

Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đình Th;

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 585, 589 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Gia B và Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Phạm Đình Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt bị cáo Bùi Gia B 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 13/3/2020.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/6/2020.

Xử phạt bị cáo Phạm Đình Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Đình Th cho UBND phường Đồng Đa, Tp. Q, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về bồi thường thiệt hại:

- Buộc bị cáo Bùi Gia B và bị cáo Nguyễn Thành L phải bồi thường cho chị Võ Thị Hồng Ng, anh Nguyễn Tuấn P 7.450.000 đồng (bảy triệu bốn trăm năm mươi ngàn), chia phần mỗi bị cáo bồi thường cho chị Võ Thị Hồng Ng, anh Nguyễn Tuấn P là 3.725.000 đồng (ba triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp:

Truy thu số tiền 1.300.000 đồng của các bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L nộp ngân sách Nhà nước, chia phần mỗi bị cáo phải nộp 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Gia B, Nguyễn Thành L và Phạm Đình Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Gia B và Nguyễn Thành L mỗi bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND Tp. Q;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Q;
- Chi Cục THADS Tp. Q;
- Đội ĐTTH Công an Tp. Q;
- Dương sự;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Khổng Lan Hương

